

KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT

QUYỂN 5

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Thần thông của Bồ-tát nhận biết về tâm niệm của người khác cũng không thể cùng tận. Thế nào là nhận biết tâm niệm của người khác? Biết rõ về sự nhớ nghĩ ở quá khứ, tư duy về vị lai và tướng ở hiện tại của chúng sinh. Bồ-tát lại biết tâm hư huyền, tùy theo thời ứng hợp để chỉ dạy, thuyết giảng hạnh báo ứng và quả họa phước. Tâm người tốt hòa hợp với quả báo tốt. Người tạo việc không thiện, không ác thì được quả vô ký. Người làm việc thấp hèn thì bị quả báo xấu kém. Người có tâm thích Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Người có tánh ưa thích hành Từ, Bi, Hỷ, Xả. Người có tánh dốc sức học pháp Đại thừa, hoặc pháp Thanh văn, Duyên giác. Gốc thể tánh của mỗi người vì chỗ gieo trồng đều khác nhau nên chẳng đồng, công đức hay họa hoạn nơi người nào thì dùng thuốc thích ứng với người ấy mà chữa trị, do tu phước mỏng nên bị sinh vào chốn hạ tiện. Hoặc có người thực hành phước đức thanh tịnh nhưng tâm tánh chẳng sáng suốt. Hoặc có người tâm và nẻo hành đều thanh tịnh. Hoặc có người tâm vắng lặng thì việc làm được quyết đoán. Những hạng người như vậy, Bồ-tát đều nhận biết. Chúng sinh đời quá khứ do tâm niệm khác biệt mà sự tu hành không giống nhau Bồ-tát nhận nơi chỗ hành động của họ mà thuyết giảng giáo pháp. Đó gọi là biết tâm niệm của người khác. Đức Phật biết rõ hoài bão của chúng sinh về vị lai. Người nào vào đời ấy nhờ giữ gìn giới cấm, bố thí, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì đều được phước báo như vậy. Thực hành nghiệp theo thế tục thì được quả báo nơi thế gian. Người nào ở đời vị lai, tu học pháp Đại thừa thì mọi hành động, phép tắc, oai nghi, lễ nghĩa cũng được báo ứng thích hợp. Chúng sinh ở đời vị lai với cử chỉ oai nghi, tâm niệm tạo tác mỗi người đều khác nhau, về sau họ sẽ nhận quả báo Bồ-tát đều nhận biết rõ. Người nào tâm tánh, hành động không thuần thực thì vị lai sẽ gặp những điên đảo, hoạn nạn. Do biết tâm niệm ấy mà Bồ-tát giảng giải, tùy theo căn cơ từng hạng mà diễn thuyết cho họ. Người giảng pháp không bao giờ

lầm lẫn, luôn sáng suốt, tùy theo bệnh để cho thuốc. Như khi giảng pháp, Bồ-tát đem hết tâm trí để suy xét rõ, thấy được tâm niệm phải, trái của chúng sinh nơi hiện tại. Bồ-tát biết được người này tâm luôn tham dục, nhiều giận dữ, hẹp hòi, tối tăm. Bồ-tát biết người kia có tâm không tham dục, không tức giận ngu si. Do nơi phiền não mà tâm tánh giống ruồi nơi khách trần, Bồ-tát hiểu được những điều suy nghĩ của chúng sinh, duyên theo phiền não cấu uế mà thuyết pháp, khiến thông suốt. Bồ-tát đến chúng hội luôn quan sát nguồn tâm của mọi loài, tùy bệnh cho thuốc khiến dứt khỏi bệnh. Giả sử tâm của chúng sinh thường nghi ngờ, ý chí không tự quyết định nên mê mờ, loạn động. Tuy có tiến lui mà lòng thường mang nặng nghi ngờ, trí tuệ không sáng suốt, tâm mê lầm, hành động xấu ác, cho đến đối tượng được suy niệm cũng không thể thấu tỏ thì Bồ-tát hiểu rõ về tâm tánh ấy để đoạn trừ các thứ phiền não, lại trừ bỏ chướng ngại, xa lìa cấu uế đạt được thanh tịnh. Ánh sáng hiện bày rực rỡ mà không chỗ thọ nhận, không chỗ tạo lập, bỏ các lỗi lầm, dùng ánh sáng của chánh pháp soi tỏ tâm hành của tất cả chúng sinh, tùy lúc hội nhập nơi giáo nghĩa mà thuyết giảng, khiến họ thông đạt đầy đủ. Đó là thần thông vô tận thứ ba của Bồ-tát biết rõ về tâm niệm người khác.

Bồ-tát A-soa-mạt nói:

–Bồ-tát hiểu biết về thời xa xưa không cùng tận, tức có thể nhớ nghĩ đến tận nguồn gốc. Các loài chúng sinh đều nhờ ơn từ diệu nghĩa giải thoát của Như Lai mà an trú vững chắc trong pháp giới chân thật, tịch tĩnh không thể lay động. Tánh luôn hiền hậu, đầy đủ các thiền định, không mang lòng oán hận, an trụ suy xét kỹ, để biết về năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, biết sự việc của hàng ức không thể kể đời, trời, đất, thành hoại, hợp, tan, tiến, lùi, trong một kiếp, mười kiếp, một trăm kiếp, một ngàn kiếp, hiểu rõ về vô số trăm ngàn ức kiếp. Bồ-tát nhận biết về dòng họ, tên tuổi, ngôn ngữ, chỗ sinh sống, sự thay đổi, khổ, vui, thấy được nguồn gốc của chúng sinh, từ xưa đến nay nơi gieo trồng công đức khác nhau, tùy theo căn lành để thiết lập công đức cho tự thân. Bồ-tát phát huy Phật đạo, soi chiếu vào tâm chúng sinh, khiến họ biết được gốc thiện mà phát tâm Bồ-đề, biết được bao thứ khổ vui, an nguy của đời trước, bỗng chốc tất cả các thứ trải qua đều trở về khổ, không, vô thường, vô ngã. Người ngu si mê lầm, do sắc thân nương vào thế lực giàu mà có ngạo mạn, kiêu căng, buông lung. Cậy vào thế lực quyền quý mà ham thích ngôi vị Phạm vương, Đế Thích, Tứ Thiên

vương, Chuyển luân thánh vương, thích những thú vui nên mãi mãi lưu chuyển trong sinh tử, ưa vào chốn ái dục hoan lạc, vui mừng để mong thân mình được an ổn. Bồ-tát nương vào tâm niệm của chúng sinh như vậy mà hóa độ họ. Giả sử ưa thích chức vị thế gian, nhưng phải quán xét khổ, không, vô thường, vô ngã, thông suốt nguồn gốc các việc làm nơi quá khứ, các việc làm ở hiện tại không có nơi chốn, dù mất thân mạng quyết không phạm vào điều sai quấy. Gốc của việc tạo lập công đức từ xưa đều nhờ vào sự khuyến khích hỗ trợ để đạt được đạo lớn, giữ gìn căn lành ở hiện tại để chế ngự giáo hóa chúng sinh, bỏ các hành nghiệp sai quấy, hộ trì Tam bảo là Phật, Pháp, Thánh chúng, phát khởi Nhất thiết trí. Đó là thần thông thứ tư, biết rõ về đời trước không cùng tận của Bồ-tát.

Thế nào là thần túc phi hành của Bồ-tát? Người đã đạt được thần thông không cùng tận là tự quán xét về tâm mình, ưa thích tinh tấn, lãnh thọ giáo pháp, tu tập những hạnh nguyện liền có thể thành tựu, luôn tự mình thực hành chắc chắn đối với bốn Thần túc tự tại trước mắt, nên chứng đắc tất cả các thần thông. Bồ-tát dùng vô số loại thần thông để hiển hiện với oai lực biến hóa vô cùng, dùng một thân hóa ra vô số thân, dùng vô số thân trở lại thành một thân, bay đi nhanh chóng chỉ trong một khoảnh khắc không hề bị ngăn ngại nơi tường, vách, núi Thiết vi, thông suốt như chim bay giữa hư không, an trụ nơi hư không như ngồi trên đại địa, giẫm trên nước như bước đi ở đất liền, ra vào không gián đoạn, như nhà không có cửa. Bồ-tát dùng thần túc quan sát căn cơ của chúng sinh mà khai mở, giáo hóa họ. Nhân nơi chúng sinh ấy mà chỉ dạy, hiện bày thần túc, thị hiện hình sắc đoan nghiêm không ai sánh bằng. Hoặc từ lỗ chân lông phóng ra luồng ánh sáng lớn, hoặc tạo lập oai nghi nơi thần thông theo các loại hình đó để hóa độ họ. Tùy bệnh cho thuốc, khiến tất cả đều được độ thoát. Hoặc tạo lập tướng mạo của hàng Thanh văn, Duyên giác. Hoặc hiện thân Phật để chỉ bày giáo hóa. Hoặc hiện hình tướng Phạm vương, Đế Thích, Tứ Thiên vương, Chuyển luân thánh vương, đủ các hình tướng khác nhau để giáo hóa. Hoặc thị hiện hình tướng của loài súc sinh. Tùy theo sự ưa thích của muôn loài mà thuyết pháp, dạy bảo. Những người ỷ vào thế lực mạnh, tâm ý ác độc, nóng nảy, giận dữ, Bồ-tát vì họ mà xiển dương tâm Từ, hoặc hiện bày đại lực, hoặc bốn lực và các diệu lực khác để thu phục. Những lực đó không cùng tận, không hạn lượng như núi Tu-di vòi vọi, cao ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, rộng dài phần nhập vào biển lớn cũng như vậy. Bồ-tát dùng thần

lực đời chuyển núi Tu-di lên, ném qua cõi Phật ở phương khác một cách dễ dàng, nhưng sức lực của Bồ-tát không hề hao tổn. Lại tam thiên đại thiên thế giới rộng dài vô biên, phía dưới cùng tận nơi cõi đất, lên đến cõi trời ba mươi hai, đặt tất cả thế giới vào lòng bàn tay, nâng lên, trải qua bao nhiêu kiếp số vẫn không hề mệt mỏi. Bồ-tát kiến lập sức thần thông, hiện bày trí tuệ ấy, dùng uy đức của Thánh tuệ này để đạt được hạnh nguyện. Có thể nắm biển lớn ném vào dấu chân bò, mà dấu chân đó vẫn còn nguyên vẹn. Lại biến dấu chân bò thành biển lớn. Giả sử vào thời kỳ kiếp thiêu, trời đất sắp bị cháy hết, Bồ-tát hóa hiện nguồn nước lớn nhằm diệt trừ nạn lửa, liền theo thần thông để biến thành trận lụt lớn. Nói tóm lại, những nơi thị hiện không hề bị vướng mắc, ngăn che, vì mọi biến hóa đều là huyền. Pháp trung, thượng, hạ đều vừa ý, được thành tựu hoàn toàn, không ai có thể lay động, chuyển dời, phế bỏ. Đế Thích, Phạm Thiên, Ma vương, Trời, các loài ở phương khác, các việc đã thể hiện đúng như lời dạy trong kinh. Ngoại trừ uy thần vô tận của chư Phật ra, không người nào ở trên trời hay nơi thế gian có thể sánh bằng uy đức của Bồ-tát. Bồ-tát dùng thần lực ấy vì nhân loại mà hiển bày bao nhiêu sự biến hóa. Luôn vui vẻ với công đức, tuyên giảng kinh pháp, có thần túc này nên tâm được vững bền, chưa từng thoái lui. Bồ-tát vượt qua mọi phiền não uế trước của cảnh giới ma, hội nhập vào cảnh giới Phật, không còn người tạo phiền não, âu lo, ứng hợp với chỗ thiếu thốn làm cho chúng sinh được đầy đủ. Những công đức căn bản đã tạo ở đời quá khứ thì các quân ma và quyến thuộc của chúng không thể phá hủy. Đó là thần thông thứ năm, thần túc biến hóa không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt lại bảo Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Lậu tận thông của Bồ-tát là không trụ vào hữu vi, cũng chẳng phải ở nơi vô vi. Nhờ đại Từ nên không tạo lập sinh tử, do đại Bi nên không trụ ở Niết-bàn. Muốn thành tựu đạo đức thì không chấp trước nơi đầu, cuối. Muốn thị hiện thân Phật thì không an trụ vào diệt độ, thương xót tất cả mà không mê đắm dục lạc thế gian, hóa độ khắp mười phương mà không chứng nhập Niết-bàn. Thực hành Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ, tùy thời mà không bị lầm lạc, lôi cuốn, hành hóa theo phương tiện thiện xảo nên không ham thích vô vi. Muốn đầy đủ bản nguyện do ý tánh thanh tịnh, nên không trái với trí tuệ Phật, dùng phương tiện để mở bày, giáo hóa. Ở trong năm đường

sinh tử mà vẫn an nhiên không thích vô vi, sáu thông bình đẳng, không ngại năm đường, với sáu pháp Ba-la-mật, bốn Tâm vô lượng, bốn Ân, bốn Biện tài, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo nhằm trị bệnh sinh tử, thành tựu quả Phật, làm thanh tịnh đạo tràng, không còn vướng mắc nẻo có, không. Sinh tử, vô vi đều quan sát tự nhiên bình đẳng như hư không, chẳng tiến, chẳng lùi. Đó là thần thông thứ sáu không cùng tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Bồ-tát A-soa-mạt:

–Bồ-tát có bốn Ân (bốn Nhiếp pháp), phải dốc thực hành không cùng tận. Bốn pháp là: Bố thí, Nhân ái (Ái ngữ), Lợi ích (Lợi hành), Đẳng sự (Đồng sự).

Bố thí có hai:

1. Tài thí: Y phục, thức ăn, vàng bạc, châu báu, xe ngựa, người hầu.

2. Pháp thí: Bố thí rộng rãi các kinh điển, lưu hành khắp nơi.

Nhân ái có hai: Nếu có người cầu xin thì tùy ý cho họ, nếu có người muốn nghe kinh điển thì thuyết pháp cho họ.

Lợi ích có hai: Tự thành tựu hạnh của mình và thành tựu nguyện của người khác.

Đẳng sự cũng có hai: Ý niệm về tự thân, suy nghĩ để tạo lập công đức, nếu có người đến xin y phục, thức ăn những gì thiếu thốn đều ban cho họ, lại khuyến khích họ an trú trong đạo nghiệp.

Lại chỗ gọi là bố thí, vì khi thấy người đến xin thì vui vẻ cho họ, sắc mặt không thay đổi mà thêm vui mừng. Nhân ái là khi thấy người đến xin thì thương yêu như con mình. Lợi ích là khuyên bảo người cầu xin, khiến họ an nhiên, trụ nơi sự bình đẳng. Đẳng dữ là giả sử có người thân hành động, tâm suy nghĩ, miệng nói sai quấy thì giáo hóa họ, khiến đạt được ba việc tương ứng, hội nhập nơi Đại thừa. Lại nữa, xả bỏ tâm tham lam, ganh ghét thì gọi là bố thí. Tinh tấn không ngừng gọi là nhân ái. Có được lợi ích, tâm tánh hòa nhã không giận dữ, gọi là lợi ích. Khuyến khích chúng sinh nhập vào Đại thừa, không rơi vào Tiểu thừa, gọi là đẳng dữ. Lại nữa, tâm Từ thuận hợp gọi là bố thí. Phát khởi tâm ưa thích, thương yêu người, gọi là nhân ái. Hưng khởi đại Bi, mặc áo giáp giới đức, chịu mọi khổ thay cho chúng sinh, gọi là lợi ích. Hộ trì các đức hạnh, khiến không bị hao tổn, đạt trí Nhất thiết, gọi là đẳng dữ. Lại nữa, có người cầu pháp cũng có thể ban cho họ tất cả, không hối tiếc, gọi là bố thí. Nhân ái là trong khi bố thí vật phẩm, nên giảng giáo

lý khiến họ được an ổn. Lợi ích ấy là lợi mình, lợi người để phát triển đạo pháp. Đẳng dữ là vì chúng sinh nên phát tâm Bồ-đề, cầu đạt trí tuệ, thần thông. Lại, các vật hiện có trong ngoài đều buông bỏ không luyến tiếc, chẳng mang vọng tưởng, gọi là bố thí. Tán dương tất cả công đức nơi trí tuệ chẳng trái với thầy, bạn, gọi là nhân ái. Xả bỏ sự an nhàn và các tiện nghi của mình, lo nghĩ đến người khác, gọi là lợi ích. Tập hợp các hạnh chính yếu, hoặc sống trong khổ não đã tự siêng năng tu tập, trí tuệ tư duy để thành tựu Phật đạo, xem các sự việc ấy như trong lòng bàn tay. Do ban ân cho người khác, không còn áy náy, gọi là đẳng dữ. Sao gọi là pháp thí? Như đem pháp mình được nghe, giảng lại cho người khác. Nhân ái là nếu có chỗ giảng thuyết, mà không tham đắm về y phục, lợi dưỡng. Lợi ích là nếu giáo hóa người thì nên khuyên họ đọc tụng kinh điển, tùy thời chỉ dạy, chưa từng mệt mỏi. Sao gọi là đẳng dữ? Chưa từng xa lìa tâm cầu Nhất thiết trí, thường tùy thuận giáo pháp để giảng dạy, không cho là khổ hoạn. Sao gọi là bố thí? Người ưa thích giáo pháp thì chẳng thiếu thốn y phục, thức ăn, bình bát, giày dép, giường chiếu, đồ nằm, thuốc men trị bệnh. Người được những thứ ấy, thấy người khác thiếu thốn liền đem cho họ, xem xét tâm tánh để thuyết pháp khiến họ được thành tựu. Đẳng dữ đó là có thể tăng thêm sự bố thí cho người, làm thanh tịnh ba đạo tràng, không mong cầu đáp đền, chỉ trợ giúp để phát tâm Bồ-đề vô thượng. Lại nữa, bố thí pháp là đệ nhất trong tất cả các việc bố thí. Quan sát như vậy rồi mới hưng khởi việc bố thí pháp. Nhân ái là tự tâm chân thật, bày tỏ nghĩa thương yêu. Lợi ích là nhớ nghĩ về nghĩa lý của đạo, không nhận trang sức. Đẳng dữ là thuyết giảng giáo pháp của Đức Phật đầy đủ trí tuệ nơi đạo. Lại nữa, bố thí ấy là hoàn thành đầy đủ các pháp Ba-la-mật. Nhân ái là thành tựu được giới cấm, Nhẫn nhục ba-la-mật. Lợi ích là Tinh tấn ba-la-mật, không rơi vào điên đảo, thoái lui, không tăng thêm tội lỗi. Đẳng dữ ấy là Thiền định và Trí tuệ ba-la-mật. Lại nữa, bố thí tức là thích hợp với những việc làm của Bồ-tát mới phát tâm. Nhân ái là tu tập chánh hạnh, thuận theo nguồn gốc của Bồ-tát. Lợi ích là thành tựu giáo pháp không thoái chuyển của Bồ-tát. Đẳng dữ là đạo nghiệp Nhất sinh bổ xứ của Bồ-tát. Lại nữa, bố thí là tạo lập nền tảng của đạo. Nhân ái là dụ cho thành tựu đạo pháp với sự hoàn bị về mầm, thân, nhánh, lá của một cây. Lợi ích là chỗ cứu cánh của đạo pháp dụ như hoa nở tươi tốt, tỏa ngát hương thơm. Đẳng dữ là quả vị, hạnh nghiệp, đạo đức chân chánh rất ráo. Đó gọi là bốn Ân, cần thực

hành của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Bốn Biện tài của Bồ-tát không cùng tận là: biện tài về nghĩa, biện tài về pháp, biện tài thích ứng và biện tài về ngôn từ. Sao gọi là biện tài về nghĩa? Tức hiểu rõ nghĩa chân đế của các pháp, tỏ được chỗ thấu đạt của mình, nhận thức thích ứng với trí tuệ, sự hiểu biết hòa nhã, không tự dụng công tu tập, hội nhập nhân duyên nơi trí tuệ, không hủy hoại pháp giới, thấu đạt về nguồn thanh tịnh, hội nhập nơi gốc “không”, hiểu rõ gốc “không” trụ nơi “bản tế”, vĩnh viễn không có giới hạn, lãnh hội nghĩa “không”, phụng trì tu tập vô tướng, trụ vào vô nguyện, hiểu biết mà không chỗ mong cầu, tạo lập mà không có chỗ hành hóa, thấu tỏ các hành nghiệp để hội nhập vào cửa trí tuệ, không thấy có người, cũng không thấy có ta và của ta, không thọ, không mạng, trí đạo là một. Vào trí tuệ chân chánh, biết rõ về vô số kiếp trong quá khứ, thông hiểu nghĩa lý của vị lai không giới hạn, nhận thức những việc làm của tất cả chúng sinh trong hiện tại, thông tỏ năm ấm giống như huyền hóa, bốn đại như rắn độc, các nhập như hư không, bên trong vắng lặng, bên ngoài không tạo tác, hiểu các quốc độ không có cảnh giới, tâm ý không hình tướng nên chỗ hành hóa tuy đến mà không có chỗ đến. Quan sát tâm tánh, rõ biết tướng tận về Khổ không có nguồn gốc, Tập không có chỗ tạo tác, Diệt là tướng tự nhiên, hiểu rõ để hội nhập con đường phân biệt hướng tới câu, nghĩa của các pháp, thông suốt các căn, thấu đạt năm Lực, tạo lập sự vắng lặng, quan sát rõ ràng tất cả các sở hữu như huyền hóa, như cây chuối không thật, như dợn nắng, hình ảnh trong mộng, tiếng vang trong hang núi, trăng dưới nước, đều là hư dối không thật. Do ngân ấy tướng để rõ làm một tướng, biết có hòa hợp tất phải chia ly, hôm nay vui vẻ thì hôm sau phải buồn lo, hiểu Thanh văn thừa nhờ âm thanh mà giác ngộ, biết Duyên giác thừa từ mười hai nhân duyên tịch tĩnh đưa về một thừa, thông suốt pháp học Đại thừa. Do tích lũy vô lượng công đức căn bản mới thành tựu đạo lớn. Đó là biện tài về nghĩa. Lại nữa, biện tài về nghĩa là chỉ quy ngưỡng về “nghĩa”. Tất cả các pháp đều hướng về nghĩa, mà cũng không chỗ về. Vì sao? Vì chỗ hướng về của tất cả pháp đều là “không”, không đó là “nghĩa”. Tất cả các pháp đều không có tướng hiểu được, không có tướng đó gọi là nghĩa. Tất cả các pháp đều không, không có nguyện, không có nguyện gọi là nghĩa. Tất cả các pháp đều quy về chỗ an nhiên, an nhiên ấy gọi là nghĩa. Tất cả các pháp không có nhân, không thọ, không mạng, do không thọ, mạng,

nên gọi là nghĩa. Nếu hiểu các pháp rõ ràng như vậy thì gọi là biện tài về nghĩa. Giảng thuyết pháp ấy không xử sở mà nói có xử sở, giảng thuyết về xử sở ấy thì không cùng tận, biện tài diễn thuyết không gì có thể ngăn che. Lời giảng dạy của chư Phật Thế Tôn đều nhằm khuyến khích, giúp đỡ cùng khắp, để tuyên thuyết giảng về Thánh tuệ, chân đế không khác, không có chút lỗi lầm nào cả, gọi là biện tài về nghĩa.

Thế nào là biện tài về pháp? Hiểu rõ các pháp, tùy thời mà hội nhập vào các pháp thiện hay ác, họa hay phước, khởi dấy công đức hay tạo lỗi lầm, hữu lậu hay vô lậu, tại thế hay xuất thế, khổ hay vui, nguy hiểm, phiền não, sân giận, mỗi mỗi đều có phẩm loại riêng. Nhập vào sinh tử như ở Niết-bàn, phân biệt nghiệp của pháp giới và pháp thế gian gọi là biện tài về pháp. Lại nữa, biện tài về pháp ấy là Bồ-tát hiểu được các tâm tham muốn, luyến ái của chúng sinh. Người nào ham muốn về sắc thì biết phải dùng thuốc gì để chữa trị cho họ. Người có thể trừ bỏ lòng dục, người không thể trừ bỏ, hoặc người có dục từ xưa, nay lại xuất hiện hoặc tích tập chủng tử tham dục nơi đời vị lai, hoặc tích tập tham dục ở đời hiện tại. Hoặc lại có người bên trong còn ẩn tàng tham dục, nhưng bên ngoài không còn ân ái. Hoặc có người bên ngoài biểu lộ tướng tham dục, nhưng bên trong lại không tham ái. Hoặc có người bên trong lẫn bên ngoài đều có tham dục. Hoặc có người thấy sắc đẹp liền dấy khởi lòng dục mà nghe tiếng vẫn không động. Hoặc lại có người nghe những âm thanh tốt đẹp liền khởi tham dục mà chẳng do sắc làm lay động. Hoặc có người nhân nơi âm thanh lẫn hình tướng mà phát khởi lòng tham muốn về dục. Hoặc có người nhân nơi hương thơm, mùi vị, sự xúc chạm, do tâm đối với pháp mà khởi tham dục. Hoặc có người không có ý niệm gì về sắc, thanh, hương, vị, xúc mà khởi tham dục. Đó là những hành động của chúng sinh tham dục, vì đã tích tập những việc làm như vậy nên bị rơi vào cửa tham dục. Hoặc hai vạn một ngàn tham dục, hai vạn một ngàn sân giận, hai vạn một ngàn ngu si và hai vạn một ngàn hành đẳng phần. Nếu hiểu được tám vạn bốn ngàn hành động này thì Bồ-tát có thể tùy thời thích hợp mà mở bày chỉ dẫn giáo hóa cho chúng sinh, mà không bị tổn hại. Người nào chưa vào cửa trí tuệ thì Bồ-tát dẫn dắt giúp họ vào trước, không để mất cơ duyên. Bồ-tát hiểu rõ căn cơ thông minh hay thấp kém của chúng sinh để thuyết pháp thích ứng. Đó là biện tài về pháp.

Thế nào là biện tài thích ứng? Như có thể nghe được tất cả âm

thanh, ngôn từ của hàng trời, người, thế gian của các chúng Rồng, Quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, Nhân phi nhân. Bồ-tát có thể nghe được âm hưởng từ lời nói của chúng sinh trong năm đường, rồi tùy theo đó mà thuyết pháp cho các loài. Đây gọi là biện tài thích ứng. Tùy thuận như vậy để giảng nói, tức là biện tài thích ứng. Hiểu rõ về kinh điển, biết đến câu chữ, quán xét và hội nhập nơi nghĩa lý với từng phẩm loại như thế, Bồ-tát hiểu được một loại ngôn ngữ, mười loại ngôn ngữ, cho đến một trăm loại ngôn ngữ. Bồ-tát thấu rõ ngôn ngữ của hàng nam, nữ, già, trẻ, cũng biết được nghĩa lý của văn tự trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Bồ-tát cũng hiểu mọi cấu trúc của ngôn từ. Đó là biện tài thích ứng. Thích ứng với chân đế thì lời nói không thiếu sót, hiểu biết phân minh thì không lỗi lầm. Lời nói ý tứ, kín đáo mà nghĩa lý đầy đủ, đối với mọi người đều vui vẻ thì lời nói không oán kết. Thuyết nêu về nghĩa lý sâu xa, ngôn từ chân thật, chất phác thích hợp với văn chương. Tự xét tâm mình theo lời dạy của chư Phật, xem xét tâm tánh của chúng sinh mà giảng giải nghĩa lý thuận hợp, khiến cho tâm họ được mở bày, thâm nhận, vô cùng vui mừng, tất cả đều được toại nguyện. Đó là biện tài thích ứng.

Sao gọi là biện tài về ngôn từ? Lời nói đúng lúc, không lẫn lộn, lời nói lưu loát, không ai có thể sánh bằng, nghĩa lý đã nói ra đều thông suốt, nghe hỏi thì trả lời ngay, ứng đáp nhanh nhẹn, đúng với điều đã hỏi. Biện tài không tranh cãi, thuyết pháp thích hợp nơi chân đế, tu tập lực nhẫn nhục, đã thuyết nêu bao nhiêu ý nghĩa sâu xa, biện tài theo thứ lớp không vượt tâm ý. Dùng sáu pháp Độ vô cực: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ để phân biệt các nghĩa lý nơi chương, câu. Giảng thuyết về Ý chỉ (*bốn Niệm xứ*), Ý đoạn (*bốn Chánh cần*), Thần túc (*bốn Như ý túc*), Căn (*năm Căn*), Lực (*năm Lực*), bảy Giác chi, phát tâm thành tựu đạo quả, quan sát mọi vắng lặng, hiểu rõ, thông suốt tất cả thiền định, môn giải thoát Tam-muội, hội nhập nơi trí tuệ bậc Thánh, phân biệt về ba thừa, có thể tạo mọi an vui cho tất cả chúng sinh. Lời nói hòa nhã, không lầm lẫn, cũng không thô ác. Nếu gặp chỗ không hợp nghĩa thì không nói những lời xấu xa, mê muội mà nói lời nhẹ nhàng, trong sáng, mạnh mẽ, chân thật. Tùy thời, theo nghĩa của sự việc mà nói lời chân chánh, không vội vàng. Dùng phương tiện tùy ý mà lời nói không đổi khác, cũng không nói nhỏ, lén lút, che giấu, mà phải nói rõ ràng, công khai, ngôn từ tạo sự an ổn, không bị sợ mất. Các bậc Hiền thánh cùng khen ngợi, tiếng thơm lưu truyền khắp nơi. Âm thanh vi diệu ấy cũng như âm

thanh của Phạm thiên, người nghe đều thấu đạt ngôn từ, bày tỏ không trái với chánh pháp. Bồ-tát đều thấy được căn tánh của hết thảy chúng sinh, thích ứng với tâm niệm để thuyết pháp cho họ. Người nghe pháp ấy đều đoạn trừ các khổ não, hoạn nạn. Đây gọi là biện tài về ngôn từ vô tận của Bồ-tát.

Bồ-tát A-soa-mạt nói với Hiền giả Xá-lợi-phất:

–Biện tài vô ngại của Bồ-tát lại có bốn việc không cùng tận. Đó là:

1. Chọn lấy nghĩa không chọn lấy thức.
2. Nướng vào trí tuệ không nướng vào thức.
3. Nướng vào yếu nghĩa của kinh không bị mê mờ.
4. Nướng vào pháp, không chọn lấy người.

Sao gọi là nghĩa, là thức? Nếu nhập vào pháp thế gian thì gọi là chấp nơi thức, vượt lên pháp thế gian mới gọi là nghĩa. Gọi là thức, tức bổ thí, điều phục tâm ý, trí tuệ sáng suốt tường tận. Gọi là nghĩa tức điều phục thiền định, vắng lặng, an nhiên quy về trí tuệ của bậc Thánh. Gọi là thức tức gắn liền với sinh tử mà không nhàm chán. Gọi là nghĩa tức tuy ở trong sinh tử mà không bị điên đảo, đều có thể vượt qua tất cả các hoạn nạn. Gọi là thức tức ca ngợi công đức của Niết-bàn. Gọi là nghĩa là tất cả pháp vốn thanh tịnh tịch tĩnh, không còn tưởng vọng. Gọi là thức tức tùy theo các thừa mà phân biệt. Gọi là nghĩa tức hội nhập trí Nhất thiết pháp. Gọi là thức tức tất cả các vật hiện có đều đem bổ thí mà không luyến tiếc. Gọi là nghĩa tức làm thanh tịnh ba đạo tràng, quy về một đạo lớn. Gọi là thức tức giữ gìn thân, miệng, ý tu học đầy đủ về giới cấm, khen ngợi các hạnh của công đức biết đủ. Gọi là nghĩa tức hộ trì thân, miệng, ý, hiểu rõ về tính chất “không thủ đắc” tất không có đối tượng được tạo tác. Như vậy gọi là giới cấm có thể làm thanh tịnh. Gọi là thức tức thấy những người tự cao, ngã mạn, phóng dật, độc ác thì nên thuyết giảng hạnh nhẫn nhục cho họ. Gọi là nghĩa tức tu hành có thể đạt đến quả vị pháp Nhẫn vô sinh. Gọi là thức tức cần mẫn, tinh tấn phân biệt tất cả ý nghĩa nơi gốc của công đức. Gọi là nghĩa là không chỗ nào là không tương ứng, không theo nhị biên, nẻo hành luôn tinh tấn mà không có chỗ trụ. Gọi là thức là thiền định giải thoát, môn Tam-muội, Tam-muội Chánh thọ. Gọi là nghĩa là hiểu rõ về định diệt tận. Gọi là thức là những điều đã nghe liền thọ trì theo đúng ngọn nguồn của trí tuệ. Gọi là nghĩa tức quán xét trí tuệ không có nơi chốn, không

thể thủ đắc. Gọi là thức là giảng thuyết nghĩa lý nơi ba mươi bảy phẩm Trợ đạo. Gọi là nghĩa là phụng hành, tu tập các pháp của chư Phật, nhân theo nẻo báo ứng mà đạt đến quả vị được chứng đắc. Gọi là thức tức phân tích về Khổ, Tập, Diệt, Đạo đế. Gọi là nghĩa là đạt đến sự vắng lặng an nhiên sâu xa. Gọi là thức là nhân nơi chỗ sinh, tất do vô minh cho đến lão, bệnh, tử. Gọi là nghĩa tức do diệt vô minh đến lão, bệnh, tử vĩnh viễn được đoạn trừ. Gọi là thức là giảng thuyết chỗ quan sát nẻo quay về của nguồn gốc vắng lặng. Gọi là nghĩa tức nhân nơi trí tuệ mà chứng đắc giải thoát cho đến đạt được trí tuệ vi diệu. Gọi là thức tức hiểu về tham lam, sân giận, ngu si, vốn bình đẳng không thể phân biệt. Gọi là nghĩa tức do vĩnh viễn tiêu trừ các tướng xấu ác, không còn nhớ nghĩ, sân giận. Gọi là thức là giải thoát tất cả những nạn bị ám, cái, ngăn che, cản trở. Gọi là nghĩa là đi vào cửa trí tuệ giải thoát nhanh chóng. Gọi là thức là khen ngợi công đức vô lượng của Tam bảo. Gọi là nghĩa là do xa lìa các tham đắm, không liên hệ với dục mà phụng hành, thuyết nêu về công đức. Gọi là thức tức như Bồ-tát mới phát tâm thường tán thán những điều tốt đẹp về giới cấm của Bồ-tát. Gọi là nghĩa tức trong khoảnh khắc, tâm niệm đều hiểu rõ liền thành tựu Nhất thiết trí. Nói tóm lại, Bồ-tát có thể thuyết giảng về tám vạn bốn ngàn phẩm loại nơi kho tàng giáo pháp, đó là thức. Đối với văn tự, những điều nhận biết, chấp trước về thức thì hiểu rõ về nghĩa là không thủ đắc, không nơi chốn, đó gọi là nghĩa.

Sao gọi là tuệ? Sao gọi là thức? Trụ trong thức tức có bốn việc.

1. Thức ở trong sắc, tâm ở trong thức.
2. Vì vọng tưởng nên ở trong trói buộc.
3. Xoay vần trong sinh tử, thức đều có mặt.
4. Thức bị mê hoặc, không thể tự diệt trừ.

Đó là bốn việc.

Sao gọi là tuệ? Thức ấy không trụ ở năm ấm, đoạn trừ các phiền não, ngăn che nơi sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Đó là tuệ. Lại nữa, gọi là thức tức hiểu rõ về bốn đại: Đất, nước, gió, lửa. Giả sử nhận biết, thực hành không trụ trong bốn loại, thức chẳng giống ruồi, chẳng hủy hoại pháp giới. Đó gọi là tuệ. Lại nữa, gọi là thức là mắt đối với sắc, tai đối với tiếng, mũi đối với hương, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc, tâm đối với pháp, chỗ chấp trước của sự nhận biết gọi là thức. Giả sử tiêu trừ ngoại cảnh, không buông lung, theo sự dẫn đường của trí tuệ, đối với tất cả pháp không có mong cầu, gọi là tuệ. Có sự nương tựa, chấp trước thì sinh ra thức, cũng từ tưởng niệm, mong cầu nhiều mà sinh ra

thức, đó gọi là thức. Nếu không có sự thọ nhận, không có mong cầu, tâm ý không nhớ nghĩ, không ham muốn điều gì, không mong được báo đáp, đó gọi là tuệ. Thực hành pháp hữu vi tức là ở trong thức. Tu tập pháp vô vi thì thức không chỗ trụ, phụng trì vô vi một cách sáng tỏ mới gọi là tuệ. Đối với các pháp mà dấy khởi phân biệt gọi là thức. Không sinh không diệt, thức không chỗ trụ gọi là tuệ.

Sao gọi là chọn lấy ý nghĩa của kinh điển? Thế nào là chọn lấy? Luôn ân cần mong cầu đạt tất cả kinh điển, gọi là chọn lấy. Nếu ở nơi kinh điển hội nhập đạo quả, đó là chọn lấy nghĩa. Nếu đối với kinh điển thành tựu các hành, gọi là chọn lấy. Như có khả năng phân biệt về gốc ngọn của các kinh, hội nhập, tạo tác hành nghiệp, gọi là chọn lấy. Nếu ở nơi các kinh, dứt sạch hết mọi phân biệt về tội phước, vĩnh viễn đoạn trừ các thứ phiền não, đó gọi là chọn lấy nghĩa. Đối với các kinh điển gạt hái những trí tuệ chính yếu, vì người khác giảng nói về nghiệp, phiền não, gọi là chọn lấy. Ở nơi các kinh, hiểu rõ, phân biệt về chương, câu thanh tịnh, gọi là chọn lấy nghĩa. Đối với kinh điển tâm nhằm chán mọi sinh tử, lo buồn chẳng vui, gọi là chọn lấy. Ở nơi kinh điển, quán xét về sinh tử và Niết-bàn không cho là hai, gọi là chọn lấy nghĩa. Đối với kinh điển, chỉ nêu câu văn đan xen, lời nói hay khéo, gọi là chọn lấy. Ở nơi kinh điển, ưa thích nghĩa lý sâu xa, đạt đến chỗ tự tại, vô vi, gọi là chọn lấy nghĩa. Đối với kinh điển, tưởng biết về vô số tâm niệm của chúng sinh, gọi là chọn lấy. Ở nơi kinh điển, ý thích biết được tâm không có chỗ sinh, gọi là chọn lấy nghĩa. Nếu đối với kinh điển, phân biệt về ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, loài có sự sống, luôn có thể hay không thể kiến tạo sự mong cầu, những điều có thể nói đều không có chủ, mà miễn cưỡng cho là có chủ thể, gốc ngọn, gọi là chọn lấy. Ở nơi các kinh điển, thông tỏ các pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, không khởi, không sinh đều không có chỗ hành, không phân biệt ngã, nhân, chúng sinh, thọ mạng, giảng giải về ba môn giải thoát, gọi là chọn lấy nghĩa.

Sao gọi là pháp? Sao gọi là người? Nếu làm rõ về người từ nơi pháp gì để tu tập, đó gọi là người. Nếu đối với người, không xả bỏ các pháp, mà trụ vào cảnh giới, gọi là chọn lấy pháp. Lại nữa, gọi là người tức nói về tánh hạnh của hàng phàm phu. Nếu hàng phàm phu phụng trì ý nghĩa nơi bậc “chân nhân”, tu tập, dốc lòng tin tưởng, giữ gìn kinh điển, thuận hợp với các bậc Bát đẳng, bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Duyên giác, Bồ-tát. Lại có một vị xuất

hiện ở đời, nhiều lòng thương xót, đem lại nhiều an ổn, thương yêu ba cõi, trời, người và ba đường ác đều được cứu giúp, gọi là Như Lai. Như Lai Chánh Đẳng Giác tạo an lạc cho khắp muôn loài, hiện bày đường lối, giáo hóa chúng sinh, khiến hội nhập nơi nghĩa của đạo. Giả sử có người nương tựa, tìm cầu luôn được cứu giúp. Muốn mở bày, giáo hóa những mê hoặc này thì nên vì họ thuyết pháp, khiến quay về với chánh pháp, đừng nương tựa vào người. Xét các pháp không có chỗ tạo tác, không có nhân duyên, không làm mà làm, trụ mà không trụ, cũng không có nguồn gốc, thực hành pháp bình đẳng, chân thật, tà nghiệp bằng chánh nghiệp, tà chánh không hai, không có chỗ mong cầu, tất cả không có nẻo hành. Đối với tất cả pháp đều được tự tại, tướng ấy hoàn toàn giống như hư không gọi là pháp. Sự mở bày, dẫn dắt đối với pháp cũng không suy nghĩ cho là ân đức. Nếu nhập vào nghĩa của những pháp môn này thì quán xét tất cả pháp đều là đạo pháp, đều trú nơi các pháp, không cho là mệt nhọc. Đó là nghĩa của bốn thứ chọn lấy không cùng tận của Bồ-tát.

